

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31/2024/DS-ST**

Ngày: 04-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhắc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Số 74/2, ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn L, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Hồ Văn V trình bày:

Do ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị P có quan hệ quen biết nên ông L nhiều lần cho bà P vay tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/7/2022, ông L cho bà P vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay từ ngày 01/7/2022 đến ngày 20/12/2022, việc vay tiền các bên có lập Giấy mượn nợ và được bà P ký tên. Đến nay, khoản tiền này bà P chưa trả nợ gốc và lãi.

Lần 2: Ngày 02/9/2022, ông L cho bà P vay số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay từ ngày 02/9/2022 đến ngày 20/12/2022, việc vay tiền các bên có lập Giấy mượn nợ và được bà P ký tên. Đến nay, khoản tiền này bà P chưa trả nợ gốc và lãi.

Lần 3: Ngày 20/9/2022, ông L cho bà P vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/12/2022, việc vay tiền các bên có lập Giấy mượn nợ và được bà P ký tên. Đến nay, khoản tiền này bà P chưa trả nợ gốc và lãi.

Lần 4: Ngày 04/10/2022, ông L cho bà P vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay từ ngày 04/10/2022 đến ngày 20/12/2022, việc vay tiền các bên có lập Giấy mượn nợ và được bà P ký tên. Đến nay, khoản tiền này bà P chưa trả nợ gốc và lãi.

Lần 5: Ngày 18/4/2023, ông L cho bà P vay số tiền 825.000.000 (tám trăm hai mươi lăm triệu) đồng, lãi suất 10%/năm. Ông L và bà P có tổng kết các khoản nợ trước và lập Giấy xác nhận nợ với tổng số tiền 1.585.000.000 (một tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng và bà P cam kết thực hiện trả nợ trước ngày 25/5/2023.

Tại Hợp đồng thoả thuận ngày 18/4/2023, bà P đã trả cho ông L được số tiền 260.000.000 đồng, số tiền còn lại là 1.325.000.000 đồng ông L đồng ý cho bà P trả trong vòng 10 tháng, bắt đầu từ ngày 25/5/2023 với số tiền mỗi tháng là 132.500.000 đồng. Tuy nhiên bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ ngày 25/5/2023 và cho đến nay bà P không trả cho ông L số tiền nào.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà P có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền nợ còn lại là 1.325.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 25/5/2023 đến ngày Toà giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 114.098.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, không cung cấp văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Võ Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ vay là 1.585.000.000 (một tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng (theo đơn khởi kiện) và yêu cầu tính lãi của số tiền trên nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông L cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của bà P nên ông có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà P có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Đ1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc bà P trả số tiền nợ vay còn lại là 1.325.000.000 đồng (tại phiên tòa), Hội đồng xét xử nhận định: Ông L cho rằng có cho bà P vay tiền nhiều lần, mỗi lần đều có làm Giấy mượn nợ và bà P trực tiếp ký tên. Đến ngày 18/4/2023 bà P có xác nhận lại các khoản nợ đã vay với ông L và ký Giấy xác nhận nợ với tổng số tiền nợ là 1.585.000.000 đồng. Đồng thời, cũng trong ngày 18/4/2023 bà P trả cho ông L số tiền 260.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 1.325.000.000 đồng ông L đồng ý cho bà P trả nhiều lần trong vòng 10 tháng, mỗi tháng là 132.500.000 đồng. Các nội dung này được thể hiện tại Hợp đồng thỏa thuận đề ngày 18/4/2023 và bà P cũng có ký tên. Bà P đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng bà P không cung cấp văn bản nêu ý kiến, không cho lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà P có nghĩa vụ trả cho ông L tổng số tiền nợ vay còn lại 1.325.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu của ông L về việc buộc bà P có nghĩa vụ trả lãi của số tiền vay gốc còn nợ 1.325.000.000 đồng từ ngày 25/5/2023 đến ngày Toà giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 114.098.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ Hợp đồng thoả thuận ngày 18/4/2023, bà P có nghĩa vụ trả tiền cho ông L vào kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/5/2023 nhưng bà P không thực hiện. Do đó, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng nên bà P phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng thoả thuận này không thoả thuận về lãi chậm trả nên mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông L yêu cầu tính lãi của số tiền 1.325.000.000 đồng từ ngày 25/5/2023 đến ngày 04/4/2024 là 10 tháng 10 ngày với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 114.098.000 đồng, là phù hợp với các quy định nói trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[7] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên ông L không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà P có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn L số tiền nợ vay là 1.325.000.000 (một tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 114.098.000 (một trăm mười bốn triệu không trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 71.955.000 (bảy mươi một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ chịu.

Hoàn trả cho ông Võ Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.409.000 (ba mươi triệu bốn trăm lẻ chín nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002174 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b)
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân